

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày 03/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và ông Trần Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2022/TLST- HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST- HS ngày 20/5/2022, đối với các bị cáo:

1. LÊ CAO C; tên gọi khác: Lê Văn C;

Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1990 tại thành phố Tuyên Quang;

Cư trú tại: Xóm 16, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Lê Văn N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 11/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2020 - Bản án số 08/2020/HS-ST);

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 08/01/2014 Công an phường T, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 631 xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền (số tiền 1.500.000 đồng);

- Ngày 18/10/2018 Công an thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 315 xử phạt về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền (số tiền 750.000 đồng);

- Ngày 23/10/2019 Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 337 xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền (số tiền 750.000 đồng);

- Ngày 16/3/2020 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22 xử phạt về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức cảnh cáo.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. LÂM VĂN B; Sinh ngày 12/6/1989 tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Cư trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Lâm Đức H, sinh năm 1955 và bà Trần Thị C3, sinh năm 1959;

Có vợ là Hoàng Thị H1, sinh năm 1991 (đã ly hôn); và có 01 con, sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 23/9/2010 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 62/2010/HSST);

- Ngày 03/8/2009 Công an huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 31 xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền (số tiền 200.000 đồng).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. TRẦN QUANG C1; Sinh ngày 04/10/1995 tại thành phố Tuyên Quang;

Cư trú tại: Tổ 7, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Trần Quang K, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

- Ngày 16/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 85/2016/HSST, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 21/01/2017);

- Ngày 17/01/2019 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội là 02 năm tù (Bản án số 03/2019/HS-ST; thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/8/2018);

- Ngày 24/01/2019 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 07/2019/HS-ST thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/7/2018).

Ngày 19/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang ra quyết định tổng hợp hình phạt số 02/2019/QĐ-TA-HS buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/9/2009 UBND phường Y, thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang) ra Quyết định số 77 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã (phường), thời hạn 03 tháng;

- Ngày 25/01/2010 Công an phường Tân Quang, thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 155 xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức cảnh cáo;

- Ngày 12/4/2010 Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101 xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức cảnh cáo;

- Ngày 21/5/2010 Công an thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang) Quyết định số 925 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng;

- Ngày 25/3/2016 Công an thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 85 xử phạt về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền (số tiền 750.000 đồng);

- Ngày 26/5/2016 Công an phường Y, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21A xử phạt về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền (số tiền 1.000.000 đồng).

- Ngày 12/7/2017 UBND phường Y, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định số 45 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, thời hạn 03 tháng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quang K, sinh năm 1971; cư trú tại : Tổ dân phố 07, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/11/2021, Trần Quang C1 nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Lâm Văn B hỏi B có biết chỗ nào cầm cố xe mô tô không có giấy tờ để lấy tiền mua ma túy đá cùng nhau sử dụng. Sau đó, B gọi điện cho Lê Cao C (tên gọi khác: Lê Văn C) nhờ C đi cầm cố xe mô tô không có giấy tờ của C1, C đồng ý. Sau đó, Trần Quang C1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K8-7295 (xe mô tô C1 mượn của ông Trần Quang K là bố đẻ C1) và Lâm Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B2-626.86 (xe mô tô của B) cùng nhau đi đến gặp Lê Cao C tại khu vực thuộc xóm 16, xã K, thành phố Tuyên Quang.

Khi gặp C, C đã đưa C1 và B đến cửa hàng cầm đồ HH, tại tổ dân phố 1, phường H, thành phố Tuyên Quang để cầm cố chiếc xe mô tô của C1. Đến nơi, Lâm Văn B đứng ngoài đợi, Lê Cao C và Trần Quang C1 đi vào cửa hàng để cầm cố xe mô tô nhưng do xe mô tô không có giấy tờ nên chủ cửa hàng là anh Nguyễn A không đồng ý cầm cố. Do C có quen biết anh A từ trước nên C đứng ra bảo lãnh cho C1 vay của anh A số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, C1 tự để lại chiếc xe mô tô biển số 22K8-7295 và hẹn ngày hôm đến lấy xe và trả tiền.

Sau khi vay được tiền, C1 và C ra gặp B, C1 hỏi C có biết chỗ nào bán ma túy đá không để mua về cùng nhau sử dụng. Lê Cao C bảo B điều khiển xe mô tô biển số 22B2-626.86 chở C và C1 đến khu vực km5 đường Tuyên Quang - Hà Nội thuộc xã L, thành phố Tuyên Quang để mua ma túy. Đến nơi, Trần Quang C1 đưa cho C số tiền 1.000.000 đồng để mua ma túy, C1 và B đứng đợi ở ngoài, một mình C đi bộ vào trong ngõ gặp một người đàn ông theo C khai tên là TH (không xác định được họ, tên đệm, địa chỉ) và mua được của người đàn ông này 01 gói ma túy được bọc ngoài bằng nilon màu trắng, mép túi có đường viền màu xanh, bên trong chứa tinh thể màu trắng với số tiền 1.000.000 đồng. C cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải rồi đi ra chỗ C1 và B đứng đợi. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở C và C1 đi tìm chỗ để sử dụng ma túy. Khi đến khu vực thuộc tổ dân phố 16, phường A, thành phố Tuyên Quang thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy vào hồi 21 giờ 30 phút cùng ngày và thu giữ, niêm phong gói ma túy theo qui định.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với các bị cáo C, B và C1, kết quả đều (+) dương tính, có chất ma túy trong cơ thể các bị cáo. Bị cáo C khai ngày 06/11/2021, được một người không xác định được họ tên, địa chỉ cho 01 gói ma túy (loại Methamphetamine) C đã sử dụng hết tại nhà. Bị cáo B khai ngày 02/11/2021, được một người tên H2, không xác định được họ tên đầy đủ, địa chỉ cho 01 gói ma túy (loại Methamphetamine), B đã sử dụng hết tại nhà. Bị cáo C1 khai ngày 06/11/2021, C1 mua 01 gói ma túy của một người xe ôm (không xác định được họ tên, địa chỉ) tại khu vực xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang với số tiền 200.000 đồng rồi sử dụng hết tại nhà.

Tại Kết luận giám định số 985/GĐKTHS ngày 15/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,710g (không phẩy bẩy một không gam).

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSTP ngày 05 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố:

- Các bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) và Lâm Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự.
- Bị cáo Trần Quang C1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) và Lâm Văn B; áp dụng thêm điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Cao C; áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lâm Văn B.

Xử phạt bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/11/2021;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn B từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/11/2021.

Áp dụng: Điểm o, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quang C1.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang C1 từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/11/2021;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Cao C, Lâm Văn B và Trần Quang C1.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của các bị cáo, chữ ký của các thành phần tham gia, có 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có chứa 0,660 gam Methamphetamine (số còn lại sau khi lấy mẫu giám định);

- Trả lại cho các bị cáo: Lâm Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 22B2-62686; Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng);

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (đã qua sử dụng) của bị cáo Lâm Văn B.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 18/5/2022.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang. Các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C), Lâm Văn B và Trần Quang C1 tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung

bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đều thừa nhận bản thân là những người nghiện chất ma túy nên ngày 08/11/2021 các bị cáo đã rủ nhau đi tìm mua ma túy (Methamphetamine) ở khu vực xã L, thành phố Tuyên Quang với mục đích để cùng nhau sử dụng. Trên đường đi tìm chỗ vắng người để sử dụng thì bị cơ quan Công an phát hiện và thu giữ vào hồi 21 giờ 30 phút cùng ngày. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều thừa nhận Kết luận giám định số 985/GĐKTHS ngày 15/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,710g (không phải bầy một không gam) là khách quan, chính xác; bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo Trần Quang C1 thừa nhận bản thân đã 03 lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2021 đến ngày 08/11/2021 bị cáo C1 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố các bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C), Lâm Văn B và Trần Quang C1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ chấp nhận. Bị cáo C và bị cáo B bị truy tố theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự; bị cáo C1 bị truy tố theo điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng qui định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm theo qui định tại điểm h, khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Quang C1 có 03 tiền án nhưng đã áp dụng là tình tiết định khung nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo C1; bị cáo Lâm Văn B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi Trộm cắp tài sản và Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Lâm Văn B có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý độc quyền về chất ma túy của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương; các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển được hành vi của mình song để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên đã cố ý phạm tội. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự; HĐXX cần áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với từng bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Bị cáo C1 là người chủ động nhờ bị cáo C đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng, khi được bị cáo

C1 hỏi, bị cáo C là người trực tiếp mua ma túy. Bị cáo C1 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên là người chịu mức hình phạt cao nhất; sau đó đến bị cáo C có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm; cuối cùng là bị cáo B có nhân thân xấu, khi được bị cáo C và C1 rủ đi mua ma túy, B đã tích cực tham gia cùng. HĐXX thấy, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với từng bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định các bị cáo đều là những đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản gì và không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Lâm Văn B vào ngày 02/11/2021, của bị cáo Lê Cao C và bị cáo Trần Quang C1 vào ngày 06/11/2021. Ngày 10/11/2021, Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2913/QĐ-XPHC, 2914/QĐ-XPHC và số 2915/QĐ-XPHC đối với các bị cáo C, B và C1 bằng hình thức phạt cảnh cáo, HĐXX thấy là phù hợp.

[5] Trong vụ án này, có Nguyễn A là người cho bị cáo C1 vay số tiền 5.000.000 đồng không tính lãi, quá trình điều tra xác định A không biết bị cáo C1 vay tiền để sử dụng vào mục đích mua ma túy nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[6] Đối với ông Trần Quang K (bố đẻ của bị cáo Trần Quang C1) là người cho bị cáo C1 mượn xe mô tô biển số 22K8-872.95 nhưng ông K không biết bị cáo C1 đi đâu, làm gì nên không xem xét xử lý. Sau khi biết bị cáo C1 gửi xe mô tô ở cửa hàng cầm đồ HH, ngày 09/11/2021 ông K đã đến lấy lại xe và tự nguyện trả số tiền 5.000.000 đồng cho anh Nguyễn A. Tại phiên toà, ông K không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho ông số tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết. Như vậy, HĐXX không phải giải quyết quyền lợi, tài sản của ông K trong vụ án hình sự này nên quyền lợi của ông K không bị ảnh hưởng do đó ông K cũng không có quyền kháng cáo bản án này. Vì vậy, cần thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông K là người làm chứng.

[7] Đối với người đàn ông theo bị cáo Lê Cao C khai tên Thắng là người đã bán ma túy cho bị cáo C tại khu vực km5 đường Tuyên Quang - Hà Nội thuộc xã L, thành phố Tuyên Quang vào ngày 08/11/2021. Quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[8] Theo lời khai của các bị cáo về những người đã bán ma túy cho bị cáo C1 ngày 02/11/2021; người cho bị cáo B và bị cáo C ma túy vào các ngày 02/11/2021 và 06/11/2021, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của các bị cáo, chữ ký của các thành phần tham gia, có 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có chứa 0,660 gam Methamphetamine (số còn lại sau khi lấy mẫu giám định); đây là vật Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 22B2 - 62686, đây là phương tiện sử dụng hàng ngày của bị cáo B nên cần trả lại cho bị cáo Lâm Văn B.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Lê Cao C, bị cáo C không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo C.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (đã qua sử dụng) của bị cáo Lâm Văn B đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 18/5/2022.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điều 249 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo: Trần Quang C1; Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) và Lâm Văn B phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1.1. Căn cứ vào: Điểm o, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Quang C1 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/11/2021;

1.2. Căn cứ vào: Điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/11/2021;

1.3. Căn cứ vào: Điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 08/11/2021.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của các bị cáo, chữ ký của các thành phần tham gia, có 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có chứa 0,660 gam Methamphetamine (số còn lại sau khi lấy mẫu giám định);

- Trả lại cho bị cáo Lâm Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 22B2 - 62686; trả lại cho bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (đã qua sử dụng) của bị cáo Lâm Văn B.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 18/5/2022.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C), Lâm Văn B và Trần Quang C1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Lê Cao C (tên gọi khác Lê Văn C), Lâm Văn B và Trần Quang C1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- TAND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Sở Tư pháp tỉnh TQuang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

